

ISSN 0868-3808 TRUNG TÂM KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Kinh tế

Châu Á - Thái Bình Dương

Phát triển ngành công nghiệp môi trường ở Việt Nam

Xu hướng tiêu dùng xanh: thời cơ và thách thức


Kênh bán lẻ hợp kênh trong kỷ nguyên số

Hiệu quả quản lý nợ nước ngoài và bài học

Lợi ích nhóm và phát triển kinh tế thị trường

ASIA - PACIFIC ECONOMIC REVIEW

Số 587 - Tháng 4 năm 2021



Ứng phó với đại dịch Covid-19
trong ngành du lịch tàu biển và bài học cho Việt Nam

www.ktcatbd.com.vn



TRỤ SỞ CHÍNH
176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH
18 ngõ 49 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội
Hotline: 0888381299
Email: ktcatbd@gmail.com

TỔNG BIÊN TẬP
Lê Văn Sang

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Lê Kim Sa (Việt Hà)
Nguyễn Hồng Phối

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
Trần Văn Thọ
Võ Đại Lược
Trần Đình Thiên
Lê Bộ Lĩnh
Nguyễn Đức Thành
Trần Đức Hiệp
Lê Văn Chiến
Bùi Quang Tuấn
Phí Mạnh Tương
Trần Thị Lan Hương

BAN TRỊ SỰ
Hồng Huê: 0962002215
Email: lehonghue0511@gmail.com

BAN THƯ KÝ - BIÊN TẬP
Hoàng Dung: 0938016618
Email: hoangdung.brand@gmail.com
Vân Anh: 0903833489
Email: ktcatbd.nc@gmail.com

Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh
14 Út Tịch, P.4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
ĐT: (08)38117227 Fax: (08)38117997
Email: ktcatbd.hcm@gmail.com

Thường trú tại Tp. Hồ Chí Minh
Ngọc Thủy: 0933.69.38.98
Email: nhabaogochuy@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN: 1545/BC-GPXB;
175/GP-BVHTT; 11/GP-SĐBS-GPHĐBC;
274/GP-BTTTT

In tại Công ty In My link
Giá: 25.000 VND

04. Kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với đại dịch Covid-19 trong ngành du lịch tàu biển và bài học cho Việt Nam
Nguyễn Thị Sâm
07. Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam
Nguyễn Ngọc Khánh
10. Năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) qua hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp
Nguyễn Việt Hùng
13. Ứng dụng OKR tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
Nguyễn Thị Kim Ngân, Hoàng Trung Quân
16. Xu hướng tiêu dùng xanh: thời cơ và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam
Nguyễn Văn Lành
19. Bán lẻ hợp kênh (omni-channel) tại Việt Nam trong kỷ nguyên số
Lê Mạnh Hùng
22. Tạo động lực cho người lao động trong các đơn vị sự nghiệp tại Việt Nam
Tạ Quang Hưng
25. Hiệu quả quản lý nợ nước ngoài của Nigeria, Malaysia và bài học cho Việt Nam
Đỗ Thị Kim Tiên
28. Chuyển dịch cơ cấu cơ cấu nông nghiệp Hà Nội trong bối cảnh phát triển mới của Thủ đô
Phạm Văn Dũng
31. Thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Ả-rập Xê-út
Trịnh Thị Lan Anh
34. Đặc tính, tiềm năng và cách thức triển khai một mô hình du lịch cộng đồng
Nguyễn Bảo Châu
37. Thực trạng ý kiến kiểm toán của một số công ty niêm yết theo ngành tại Việt Nam
Đỗ Quỳnh Chi
40. Thực trạng và các giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm bồi thường tai nạn lao động
Nguyễn Thế Mừng
43. Nâng cao năng lực của giáo viên dạy nghề kế toán doanh nghiệp trong thực hiện bài giảng kết toán theo phương pháp tiếp cận năng lực tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên
Nông Thị Phương Thu, Phạm Thị Minh Nguyệt, Dương Thu Hà
46. Khoa học dữ liệu và những ứng dụng trong ngành tài chính
Nguyễn Phan Tinh
49. Tăng cường quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam
Trần Minh Hoàng, Lê Thế Anh
52. Nghiên cứu một số vấn đề về quản lý dịch vụ cung cấp điện trên địa bàn trên tỉnh Nghệ An và khuyến nghị
Nguyễn Tiến Dũng
55. Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam niêm yết
Mai Thị Diệu Hằng
58. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định làm việc tại doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của sinh viên thành phố Hà Nội
Phan Thị Thanh Hoa, Nguyễn Phương Thảo, Trần Thị Thảo An, Nguyễn Minh Hiếu, Mai Đức Toàn, Đỗ Thu Uyên
61. Các yếu tố tác động đến việc làm có năng suất ở Việt Nam
Phạm Minh Thái, Vũ Hoàng Đạt
64. Thực trạng và giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho nữ hộ nghèo trên địa bàn quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Trần Nguyễn Ngọc Thu
67. Xu hướng marketing bằng video trên nền tảng số sử dụng TikTok và vận dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam
Vũ Phương Anh

70. Hiệp định EVFTA và thực trạng tác động tới các doanh nghiệp dệt may Việt Nam *Trần Thành Thọ, Trần Thị Trà My*
73. Marketing số cho dịch vụ ngân hàng số của ngân hàng thương mại Việt Nam: thực trạng và giải pháp *Đinh Thủy Bích*
76. Nguyên nhân và những hệ quả của việc nông dân mất đất trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay *Nguyễn Thanh Xuân*
79. Nghiên cứu các nhân tố tài chính ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Việt Nam *Nguyễn Trà Ngọc Vy, Nguyễn Đoàn Thị Kiều Diễm, Nguyễn Thanh Bình, Hà Thị Thanh Trà, Trần Thị Bích Ngân, Nguyễn Hoài Nam*
82. Ứng dụng hệ tư vấn xã hội cải thiện chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ *Nguyễn Thị Thủy Anh, Bùi Thị Hồng Nhung, Lê Thị Hồng Nhung*
85. Nhìn lại vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn vốn qua thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bình Định *Nguyễn Thành Vinh*
88. Kinh nghiệm sử dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tín dụng tại một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho các ngân hàng thương mại Việt Nam *Nguyễn Tiến Hưng*
91. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy luyện gang *Nguyễn Thị Kim Anh*
94. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của VNPT Lào Cai *Phạm Thị Hồng, Nguyễn Như Quỳnh*
97. Một số vấn đề về khấu trừ thuế thu nhập cá nhân *Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Quốc Huy, Ngô Thị Thu Liên*
100. Giả thuyết dòng tiền tự do: không phải lúc nào cũng được thừa nhận *Trần Quang Chung*
103. Phát triển hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Điện Biên *Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Trọng Nghĩa*
106. Sử dụng công cụ định lượng phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa ở Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam *Ngô Đức Hưng*
109. Hệ thống biên nhận kho điện tử cho ngành hàng nông sản: kinh nghiệm thế giới và gợi ý cho Việt Nam *Vũ Thị Thùy Linh, Lê Thị Thu*
112. Tác động của di dân ngoại tỉnh đối với an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Hà Nội *Tạ Quang Quyết, Đặng Quốc Trung*
115. Một số giải pháp phát triển hạ tầng cho vận tải hành khách công cộng tại thành phố Hà Nội *Nguyễn Mạnh Hùng*
118. Cơ hội và thách thức của Hiệp định EVFTA đối với ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam *Đỗ Thị Thơ*
120. Understanding Customer Behaviour by Analysing Customer Data: An Application of Machine Learning Techniques in Predicting Vietnamese Customer Churn in Telecom Industry *Do Quang Hung*

Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam

Nguyễn Ngọc Khánh
Trường Đại học Mở - Địa chất

Tại Việt Nam, ngành công nghiệp môi trường không phải là ngành công nghiệp mới xuất hiện, tuy nhiên, ngành công nghiệp môi trường còn non yếu hàng năm mới chỉ đáp ứng được 5% tổng nhu cầu xử lý nước thải đô thị, chế biến và tái chế khoảng 15% nhu cầu chất thải rắn và 14% nhu cầu xử lý chất thải nguy hại. Trong đó, tính đến thời 31/12/2018 số doanh nghiệp ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là 2347 doanh nghiệp. Tính cả giai đoạn 2010 - 2020 đã có tới 4.321 doanh nghiệp được thành lập đăng ký hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường, với tốc độ gia tăng mạnh hàng năm.

1. Ngành công nghiệp môi trường trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Công nghiệp môi trường là một phân ngành thuộc ngành công nghiệp trong nhóm các ngành kinh tế cung cấp các công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu xử lý chất thải, bảo đảm tiêu chuẩn cho công tác bảo vệ môi trường. Phát triển ngành công nghiệp môi trường trọng tâm vào phát triển các ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác ...

Số liệu thống kê cho thấy tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải năm 2019 ước tính là gần 31,2 nghìn tỷ đồng chiếm 0,52% tổng sản phẩm trong nước. Tổng số lao động trong ngành từ 99,4 nghìn người năm 2015 lên 112 nghìn người năm 2018, với tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn 2015 - 2018 trên 4% thì ước tính số lao động năm 2019 đạt khoảng 116,7 nghìn người. Năng suất lao động xã hội bình quân hàng năm giai đoạn 2015 - 2019 đạt 185,56 triệu đồng/lao động/năm, thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp ngành công nghiệp môi trường đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2015 là 7,7 triệu đồng/người/tháng đến 31/12/2019 tăng lên 8,5 triệu đồng/người/tháng. Doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp môi trường đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 bình quân hàng năm giai đoạn 2015 - 2018 là 58,7 nghìn tỷ đồng/năm với tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 16,8%. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần của các doanh nghiệp ngành công nghiệp môi trường đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 bình quân hàng năm giai đoạn 2015 - 2018 đạt 7,39%/năm và có xu hướng giảm từ 8,42%

năm 2015 xuống 6,22% năm 2018. Đặc biệt, trong giai đoạn 2015 - 2019 thì trị giá xuất khẩu hàng hóa của ngành công nghiệp môi trường đã liên tục tăng từ 2 triệu đô la Mỹ năm 2015 lên dự kiến đạt 3,6 triệu đô la Mỹ vào năm 2019.

Từ những kết quả đạt được bước đầu nêu trên, để phát triển ngành công nghiệp môi trường ở nước ta để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vẫn còn gặp một số khó khăn, hạn chế như:

Một là, ngành công nghiệp môi trường phát triển còn chậm. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã kết luận ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, tái chế chất thải, xử lý rác chậm phát triển, còn lạc hậu. Mặc dù số lượng các doanh nghiệp ngành công nghiệp môi trường tính đến hiện nay trên 4000 doanh nghiệp nhưng chủ yếu mới chỉ tập trung vào cung cấp các dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt, quản lý nước thải, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại ..., các dịch vụ như bảo vệ khí quyển và khí hậu, khôi phục và làm sạch đất, nước, giảm độ rung và tiếng ồn, bảo vệ đa dạng sinh học và cảnh quan môi trường ... chưa đáp ứng được.

Hai là, nguồn kinh phí đầu tư cho ngành công nghiệp môi trường còn thấp, thu hút đầu tư từ xã hội không cao. Nguồn kinh phí đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu từ ngân sách Nhà nước, tuy nhiên, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc ban hành giá, phí vệ sinh chưa theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, mức phí thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình còn quá thấp so với chi phí quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Việc huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp ngoài Nhà nước để đầu tư xây dựng khu xử lý, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn. Giá thành xử lý của cùng một công nghệ xử lý được áp dụng tại các địa phương khác nhau nên không khuyến khích việc đầu tư, nhân rộng các mô hình tốt.

Ba là, về ứng dụng khoa học và công nghệ bảo vệ môi trường. Hiện nay, ở nước ta chưa phát triển được một số công nghệ, thiết bị, vật liệu, chế phẩm mới, thích hợp để xử lý ô nhiễm môi trường với chi phí, giá thành phù hợp. Hoạt động tái chế chất thải rắn sinh hoạt còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chủ yếu vẫn được thực hiện bởi khu vực phi chính thức ở các làng nghề, gây ô nhiễm môi trường. Còn thiếu sự quản lý và kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường ở địa phương. Phần lớn các cơ sở tái chế có quy mô nhỏ, mức độ đầu tư công nghệ không cao, đa số công nghệ đều lạc hậu, máy móc thiết bị cũ, gây ô nhiễm môi trường thứ cấp. Hầu hết công nghệ lò đốt chất thải rắn nhập khẩu không phù hợp với thực tế chất thải rắn ở Việt Nam do chất thải chưa được phân loại tại nguồn, nhiệt trị của chất thải rắn sinh hoạt thấp, độ ẩm không khí cao, thiết bị xử lý bụi, khí thải đi kèm không đảm bảo.

Bốn là, về nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp môi trường. Đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp môi trường đòi hỏi phải được trang bị kiến thức đa ngành, đa lĩnh vực trong khi thu nhập bình quân chỉ khoảng 8,5 triệu đồng/người/tháng do vậy khó thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc cho ngành công nghiệp môi trường trong khi nhu cầu nhân lực cho ngành công nghiệp môi trường khá cao không chỉ trong các tổ chức chuyên trách về lĩnh vực công nghiệp môi trường mà ngay cả trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác cũng cần nhân lực ngành môi trường để vận hành các quy trình công nghệ bảo đảm xanh, sạch, tiết kiệm và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành môi trường hiện nay còn hạn chế về số lượng và chất lượng, nguồn lực đầu tư thấp, thiếu thốn về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy chậm được đổi mới ..., ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp môi trường, người học ra trường không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Năm là, về công tác quy hoạch. Việc triển khai thực hiện các quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn do một số quy định pháp luật còn chưa phù hợp thực tế. Quy hoạch chất thải rắn chưa phù hợp với thực tế, chưa thống nhất trong một số quy định về khoảng cách an toàn môi trường của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, dẫn đến việc lúng túng và gặp khó khăn do chưa nhận được sự đồng thuận của người dân trong lựa chọn vị trí xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bãi chôn lấp) tại các địa phương. Việc bổ sung các nhà máy đốt rác phát điện vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia gặp khó khăn; chưa có văn bản hướng dẫn về các công trình cần điều chỉnh vào quy hoạch điện lực theo quy định của Luật Quy hoạch, nên tiến độ triển khai các dự án điện rác chậm so với kế hoạch.

2. Một số giải pháp, kiến nghị

Theo Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025" nêu rõ đến năm 2025, ngành công nghiệp môi trường trở thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu về bảo vệ môi trường trong nước; từng bước tiến tới xuất khẩu các công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm bảo vệ môi trường có lợi thế cạnh tranh. Với các mục tiêu cụ thể như phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải, phân tích, quan trắc, giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường; công nghệ sử dụng bền vững tài nguyên và phục hồi môi trường phù hợp với điều kiện của Việt Nam và xu hướng của thế giới; đẩy mạnh ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ; Phát triển sản xuất thiết bị và sản phẩm đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo vệ môi trường trong nước, từng bước tiến tới xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế và năng lực cạnh tranh; năng lực sản xuất trong nước đáp ứng khoảng 70 - 80% nhu cầu thiết bị xử lý nước cấp và nước thải, 60 - 70% nhu cầu thiết bị xử lý và tái chế chất thải rắn, 70 - 80% nhu cầu thiết bị xử lý khí thải, khoảng 50 - 60 % nhu cầu thiết bị thu gom, vận chuyển và phân loại chất thải, 40 - 50% nhu cầu thiết bị quan trắc môi trường; 60 - 70% nhu cầu sản phẩm bảo vệ môi trường; 40 - 50% thiết bị sản xuất năng lượng tái tạo; 60 - 70% thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả; 20 - 30% thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng tái tạo; xuất khẩu được 20 - 30% các sản phẩm của ngành công nghiệp môi trường; Phát triển dịch vụ môi trường cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội về xử lý nước thải, chất thải rắn đô thị, công nghiệp, chất thải nguy hại; phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm và nhu cầu phân tích, quan trắc môi trường và các dịch vụ tư vấn về môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên, năng lượng.

Theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đối với lĩnh vực môi trường thì đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn là 93 - 95%; tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42%. Thời gian tới, để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu nêu trên cần chú trọng một số vấn đề sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp môi trường. Tạo điều kiện

cho các doanh nghiệp công nghiệp môi trường được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn giảm tiền thuê đất; ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp môi trường thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh, được Quý bảo vệ môi trường Việt Nam, Quý Đối mới công nghệ quốc gia, Quý phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay và bảo lãnh để vay vốn để thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường.

Hai là, hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp môi trường. Ban hành các chính sách ưu đãi vượt trội có tính cạnh tranh quốc tế để tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi nhằm thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam về lĩnh vực môi trường. Xây dựng cơ chế khuyến khích liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, xác định rõ các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút trong ngành công nghiệp môi trường. Sửa đổi, bổ sung quy định bảo đảm quyền, nghĩa vụ, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, vốn đầu tư, thu nhập và lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư và chủ thể có liên quan, phù hợp với các cam kết quốc tế; đồng thời có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm quy định tại Luật Đầu tư.

Ba là, áp dụng các công nghệ xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại phù hợp với điều kiện của Việt Nam, sản xuất vật liệu, chế phẩm xử lý ô nhiễm môi trường, áp dụng công nghệ sử dụng bền vững tài nguyên nước, năng lượng, áp dụng công nghệ tái chế chất thải ... Hỗ trợ các cơ sở giáo dục đào tạo để tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển, làm chủ và chuyển giao công nghệ bảo vệ, phục hồi môi trường thông qua cơ chế đặt hàng hướng đến việc nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học công nghệ.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành công nghiệp môi trường. Hoàn thiện chính sách đồng bộ ở cả 03 khâu từ thu hút đến đào tạo và duy trì nguồn nhân lực ngành công nghiệp môi trường; thu hút nguồn nhân lực thông qua việc hoàn thiện các chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện các chính sách tiền lương, tiền thưởng, các hỗ trợ về ăn ở, đi lại; nâng cao chất lượng đào tạo và duy trì nguồn nhân lực thông qua việc thường xuyên bổ sung các kiến thức, kỹ năng cho người lao động, cử người lao động tham gia các chương trình đào tạo, hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ môi trường

tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Ngoài những giải pháp trọng tâm nêu trên cần thực hiện đồng bộ các giải pháp khác như hoàn thiện cơ chế tài chính về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xây dựng hệ thống quản lý rủi ro về môi trường để có các cảnh báo sớm về thiên tai, ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ sinh thái ngành công nghiệp môi trường từ xử lý, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong các hoạt động khai thác tài nguyên, xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường ...

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thế Chinh (2020). Phát triển công nghiệp môi trường ở Việt Nam trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, truy cập từ <http://tapchimat-tran.vn/thuc-tien/phan-trien-cong-nghiep-moi-truong-o-viet-nam-trong-dieu-kien-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu-36915.html>

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 1. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Thủ tướng Chính phủ (2017). Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 về phê duyệt “Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025”.

Lê Anh (2020). Thách thức đối với ngành công nghiệp môi trường tại Việt Nam, truy cập từ <http://quochoi.vn/gioithieu/caccoquanquochoi/caccoquancuaUBTVQH/Pages/vien-nghien-cuu-lap-phap.aspx?ItemID=50938>

Tổng cục Thống kê (2020). Niên giám thống kê 2019, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/09/nien-giam-thong-ke-day-du-nam-2019/>

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020). Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2019 - Chuyên đề: Quản lý chất thải rắn và sinh hoạt. Nhà xuất bản Dân trí.

Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.